

GIẢI THÍCH THIÊN HỨA THỈNH

Hứa là Tỳ-kheo nhận lời, thỉnh tức thí chủ mời đến. Lại hứa trước ý mời còn sự giáo hóa dẫn dắt, quyết bố thí pháp thức, phát khởi tâm kia nên nói là lập phép tắc.

Trong bày ý, ban đầu rõ lý do người đời lo sắm phước. Luận Trí Độ nói “hai phần phước trí, người đời tu phần phước nghĩa là bố thí. Kẻ đạo tu phần chánh nghĩa là học tuệ”. Lưỡi trần ràng buộc nên nói là “Hôn tục”. Thế nghĩa là giáo bày, chẳng phải cấm chế. Tiếp ngu hoặc, tức trước cái gọi là nhân duyên xuất gia đắc đạo, hoặc lại khiến xa lìa đường ác, sinh làm trời, người, kham lãnh sự giáo hóa. Chử nhi trở xuống là kể nói đạo chúng nhận phó trái nghi, thí cả bốn việc cho nên nói rằng tập phiền. Sinh chê bai tức tổn người, si mạng tức tổn mình. Đường khổ tức mình và người đều đọa. Chử cố trở xuống là bày điều thuật ngày nay, như biệt tức mười khoa sau, nêu chương có mười nhiếp hết trước sau. Một, sáu và chín sự chung Tăng tục, còn bao nhiêu đều ở Tăng, đủ như ở sau giải thích.

Môn đầu, trong đến thỉnh, luật Thập Tụng nói lập Duy-na, sau dịch là tự hộ, nghĩa là người làm việc giữ gìn trong coi chùa, còn bao nhiêu tên như ở quyển thượng. Tăng-kỳ ban đầu dạy đáp thỉnh, sợ làm ngại duyên cho nên không nhất định đáp. Nhược hữu trở xuống là khiến xét thật. Bất đắc trở xuống là rõ dự tham hỏi. Đây y cứ sinh phần, hẳn là xưa biết thì không cần.

Khoa kế, Luật Ngũ Phần khai mượn vật tăng. Luật Tăng-kỳ khai tăng làm việc, lại y cứ vô năng quyết hữu năng, chỉ có thể chỉ trao. Chử Hưng nên viết là chử Dư, là cùng khiêng vật. Trong văn chỉ phân biệt đối chử Dư, sợ cho là được làm đồ ăn cho nên chú quyết thích. Một là tránh xúc nấu, hai là trái nghi, Tứ phần nói lia đối, dẫn bốn duyên khởi để làm phép tắc cho đời sau. Vì đời sau là hoặc sợ quá đáng mà vội lấy sự chê bai của người đời, hoặc sợ đời mặt phước kém không tiêu nổi.

Trong thứ ba, dẫn quy tắc chân thật của Phật để làm phép tắc về sau, văn nêu ba tướng, tùy một liền thành giống. Đầu kinh âm nghĩa chép: “Tựa nên viết là đầu, thế gian cho là điểm đầu”.

Trong thứ tư, Ngũ Bách Vấn có năm việc. Ban đầu xét vật thí, làm vật Phật tức nhà điêu khắc, vẽ tượng Phật ngày nay, gồm chung đạo tục. Nhược tiên trở xuống là kể rõ tái nguyện, nghĩa là nhà thí chủ khả năng không kịp, muốn dùng ba lần dâng hương ba lần thí vật tức là ba hội, do trái bốn tâm nên nói rằng không rõ. Chử nhược trở xuống là

thứ ba nhận thân thực, Kinh Quỷ Tử Mẫu chép: Phật giáo hóa tại nước Đại Đầu, có một bà mẹ tánh ác, thường trộm con người khác, Phật nói pháp cho nghe và bảo rằng: Từ nay về sau ở bên tinh xá Phật, nhân dân không con đến cầu thì nên cho. Nay hoặc có người bày đồ ăn đem thí cho Tỳ-kheo, chú nguyện liền vì thí chủ cầu nguyện, rộng ở quyền sáu. Chữ cô trở xuống là thứ tư chọn nhà thí, nhà bán rượu, do hợp với sự chê bai thì không được vào. Trước chế các thời nên nói là tất cả. Các cửa được ấy là quyết y cứ có duyên. Thỉnh tăng thiết trai khiến kia trì giới dừng nghiệp, phương tiện dắt dẫn. Nhược cộng trở xuống là thứ năm khai ngồi chung với thầy.

Trong thứ năm có ba, đầu tiên dẫn văn chỉ bày. Luật Tứ Phần chung hai thỉnh. Luật khai trở xuống là các văn đều nói tăng thứ. Phạm Võng chép: “Tất cả không được thọ thỉnh lợi dưỡng riêng về mình, mà lợi dưỡng này thuộc của mười phương tăng, thỉnh riêng tức là lấy vật của Hiền thánh Tăng mười phương” (Đây cấm thọ thỉnh) lại nói rằng thứ lớp thỉnh thì được Hiền Thánh tăng mười phương, mà người đời thỉnh riêng năm trăm vị La-hán Bồ-tát tăng, không bằng thứ lớp thỉnh một phàm phu tăng, nếu thỉnh riêng là pháp ngoại đạo, bầy Đức Phật không có pháp thỉnh riêng” (ở đây cấm thí chủ).

Nhân Vương cũng quở trách, kia nói rằng: “Các Tỳ-kheo tội ác thọ thỉnh riêng là pháp ngoại đạo, chẳng phải pháp của ta”. Luật Thập tụng, Thiện Sinh, v.v... văn quyền trung tùy tướng đã dẫn Ngũ Bách Văn chỉ rõ thỉnh riêng, sai người đi thay tức là bỏ thỉnh, nếu nghi ngờ phạm tội đọa liên kết hay sai trái thí phi pháp, y theo luật phạm tội Đột-cát-la. Chữ ký trở xuống là thứ hai khiến khuyên khen thứ lớp tăng, hai câu sau chỉ lược về thỉnh riêng. Tùy tướng tức giới ăn riêng chúng.

Trong thứ sáu, ban đầu chỉ lầm. Chữ tốt trở xuống là cái chính hai chữ “Chú phần”. Từ dưới đến trên nghĩa là bốn ba mà đến. Trên phó xuống nghĩa là lợi nhận hứa, nếu làm chuyển đến nghĩa dưỡng như không tôn trọng, nay viết rằng phó là muốn nói lên đại độ. Phó là đến. (Ngày nay viết cáo tang nói chữ phó tức là báo điềm xấu, chữ tuy là Tổ dạy, không thể dùng đó cũng là nghĩa tùy thời). Chữ thử trở xuống là nói ý, nếu có chỗ không biết thì làm cho người tục khinh đạo, tuy nhỏ mà lớn, thành có chỗ giúp. Cao vọng nghĩa là đức nhìn cao xa, nhưng sợ đời sao cho là việc nhỏ bèn dẫn nạn ngữ để làm chứng. Nạn ngữ cho rằng “Theo truyền thuyết thế gian thường nói không y cứ sách vở”. Câu đầu nghĩa là tạm mượn vật của người, nên nghĩ tức thời trả lại. Câu kế nghĩa là lầm lấy tài vật của người cần phải suy nghĩ sớm bồi thường lại.

Nói thấp hèn, nghĩa là tuy việc thường của thế tục, nếu có trái thì rất mất hành quân tử, cho nên nói liêm sĩ là gốc (Chỉ Quy cho rằng đây nêu ra vấn đề trong Hy gia Tân yếu Lãm, Dương Thái Truyện nói rằng “Cổ biết lời người, thời thường kia là sớm thưởng, thấp hèn là khinh nhỏ”).

Trong phần bảy, luận Tát-bà-đa có năm chế. Ban đầu chế đồng đến không thừa trước vào. Nào chúng cho nên đọa (theo luật, đến nhà người Phạm không thừa đồng giới lợi, nay là nhà thí chủ nên tội đột-cát-la). Chử chủ trở xuống là thứ hai, chế cách này, vì trước đến nên vởi lấy chê bai. Chử nhược trở xuống là thứ ba chế ăn xong tự ở. Chử kinh trở xuống là thứ tư chế biết việc đến sau, vì người sắp xếp việc nên đến trước. Chử thực vị trở xuống là thứ năm chế chưa thí liền đứng dậy, nghĩa là chưa thí tài, chú nguyện nay tăng chưa làm thí không hề đi trước, vừa được thí đã không đợi chú nguyện là rất nhiều. Những người khác nghĩa là chẳng phải thủ lĩnh, làm riêng nghĩa là lén đi. Báo đồng học là khiến biến sở duyên. Chử tuy trở xuống là lại giải thích chế ban đầu, trước nói nhà thí, vấn này dường như nhà người khác.

Trong thứ tám, hai văn đều nói tăng thứ, luận y cứ pháp đồng, kinh cho hình đồng, đều là xuất gia giải thoát tức xứng đáng nhận sự cúng dường. Kinh Niết-bàn chép: “Tuy chưa thọ giới đã xếp vào số Tăng”.

Trong phần chín, luận Tăng-kỳ nói tác niệm tức sáng sớm khởi sáu niệm, vì niệm chỗ ăn, các chỗ khác hối lỗi là trái niệm Độc kiết la, Luật Thập tụng kết phạm lại y cứ nhà thế tục thỉnh riêng mà nói. Sau dẫn Luận để quyết tác hướng khởi tội, ở đây chung cho nhà thí chủ, không chỉ là thường trụ. (Xưa nói rằng ở đây y cứ tăng xá là sai)

Môn thứ hai, luận Tứ Phần ban đầu nói chúng nhóm. Nói muốn thọ nghĩa là sắp đến. Nhược đàn việt trở xuống là kể qua đến, có ba: đầu tiên bày oai nghi, tùy tướng sau kể như chim bay. Chử nhược trở xuống là phần hai khai đi trước. Việc Tam Bảo, nuôi bệnh là duyên huẩn, cho nên chế phải thưa, nạn mạng sống, nạn phạm hạnh là nạn gấp cho nên không cần hỏi. Nếu Thượng tọa trở xuống là thứ ba khuyên đợi nhau, y cứ vào văn đã nói là dưới đợi trên, nghĩa y theo trên dưới phải đợi nhau, sợ không kịp chúng cho lỗi đọa. Thứ ba, trong đặt Thánh vị, khoa đầu trước nói tượng Phật, hoặc có nhà riêng thì đến chỗ cũ. Chử nhiên trở xuống là kể bày tòa thánh tăng, chia làm ba, đầu tiên dẫn chỗ y cứ. Đời Lương Võ Đế nêu ra vấn đề đã mất, trong kinh Tạng Tân-đầu-lô có thấy, nói về pháp thỉnh. Do vị Tôn giả kia Phật dạy ở đời làm ruộng phước lớn cho bốn bộ đệ tử ở đời mạng pháp. Người chí thành cầu thỉnh thì phần nhiều có cảm ứng. Dự thỉnh đêm ấy, sinh nói rằng lẩm giỡng

mới, mền nệm mới, trải lụa trắng trên nệm (tức sạch mền), đầu hôm đúng như pháp mà thỉnh thì đều đến. Khi đến, trên nệm hiện có dấu nằm, ở nhà tắm cũng hiện dấu dùng nước nóng. Khi đại hội thỉnh, hoặc ở thượng trung hạ tọa hiện làm hình Tăng, chỉ người cầu thấy còn người khác không hề thấy, khi ngài đi rồi thấy hoa không héo nên biết được. (Nghĩa là dùng hoa tươi trải tòa Thánh vị, lấy không héo làm ứng nghiệm) nay đây chỉ lược nói là “Chỗ ngồi có tướng”.

Chữ kim trở xuống là kế khiến dạy bày. Thỉnh Thánh là việc khó nên nói là không dễ. Người tục bàn nhận gọi đó là môn sư, người thế tục gọi là môn đồ (nay trái lại gọi Tăng là môn đồ là sai).

Chữ tất trở xuống là thứ ba nói tự lập bày. Trong bác bỏ phi, ban đầu bày phi. Ngồi không tức mạn Thánh, ở đất trước Phật đều là chỗ sai. Hẹp nhỏ gọi là bạc lược, xét bộ Ni Sao thì tòa không được cao thước sáu, lại không cho lấy đồ thường trụ Tăng cúng dường, vì hộ giới đồng với kẻ phàm, hoặc có bố thí lại dùng vào Thánh tăng (y theo nhà tục không được ứng phó, chùa Tăng thỉnh, Thánh tăng dùng) Lại chỉ lập tòa trống, không được để hình tượng lên. Chữ như trở xuống là chánh bác bỏ, chỉ thấy Ngài có thể người đó do không biết pháp, không có khả năng nhận lãnh trách nhiệm này. Thắng duyên là Phật và Thánh Tăng. Tự tổn, tổn người gọi là diệt pháp, là rất đúng. Ngày nay người diệt pháp đều là đúng tên này.

Kế, trong trải giường, theo Tăng-kỳ thì ban đầu nói trải giường, vì người đời không biết cách cho nên dạy họ, ăn uống cũng như vậy, đồng đồ trải ở trước. Nhược thì chủ trở xuống là kế nói chỗ Ni. Được dạy sắp bày, trong Đề Xá chế Ni chỉ trao. Ở chỗ riêng là vì dứt sự chê bai nghi ngờ. Hoặc ở dưới tăng, chỉ khiến xa nhau. Không hơn tăng là tôn ty trái ngược.

Trường A-hàm có ba ý:

1. Bày Phật ở giữa.
2. Nói chỗ đạo tục khác nhau.

3. Biết chúng thế tục được đồng trai hội. Tuy có đây mà cuối cùng thành xen lạn, thường không sinh điều lành, may mắn có nhà riêng, chỗ khác càng tốt.

Môn thứ tư, khoa đầu trước nói trải tòa. Tiêu biểu cung kính có hai:

1. Trước Thánh, sau là mình.
2. Thân lui thì tránh Thánh.

Luật Tứ phần, kế nói nhập vị, xem xét lẫn nhau chớ để cho phi

pháp. Sau dẫn luật Tăng-kỳ, bày pháp không đúng như pháp tướng loạn chánh. Ma-ha-la là Tỳ-kheo-ni ngu si, chỉ sai khiến khởi, do nữ giới phần nhiều thẹn thùng. Dâm nữ, tức ở trong Ni chúng có người làm điều ác.

Khoa kế, luật Tứ Phần đầu tiên chế tướng hỏi. Năm tuổi tức hạ lap. Chữ nhược trở xuống là bày chuyên khai. Cho tám Ni tức là vẫn trong Đơn đề của Giới bốn ni. Nay đây y cứ dùng, chữ lao trong phần ba là khứ thịnh, là an ủi. Do đến nhà thí chủ không nên đứng im lặng, phải trước an ủi, thăm hỏi khiến sinh vui mừng mạnh mẽ. Trong nhà là miệng người, sinh hoạt là sự nghiệp, còn bao nhiêu thì tùy cơ, cho nên nói là “đẳng”, nhưng đạo quý ở ít lời, không nên dính mắc nhiều, chỉ tùy thời duyên dắt dẫn mà thôi. Kia hoặc nói lời khéo léo khiến vọng sắc lấy tình trên gương mặt, uốn lưng, cúi đầu, ý mưu cầu sau mới thỉnh, đầu chỉ là khuất đạo, mà còn là diệt pháp, nếu trọng đạo hộ pháp thì quyết không làm như vậy.

Trong thứ tư, ban đầu chế đến sau. Cố ở sau, nghĩa là tự cậy mình tôn quý, ý muốn động chúng. Ngày nay nhiều người như vậy, nghe thì phải nên răn dạy, chỉ có thể ẩn đức của mình khiến người tôn trọng, đầu chỉ tính kế để gọi là quang vinh. Tuy có thể bỏ qua vì không biết, thật đáng chê cười người có hiểu biết. Chữ diệt trở xuống là kế khai không đứng dậy. Dầu là tôn trưởng chẳng phải việc nên làm. Chữ nhược trở xuống là phần ba rõ lưu vị. Đây gọi là biết kia có duyên mà chưa đến.

Trong phần năm, Luật Tăng-kỳ đầu tiên là Thượng tọa quả dừng. Thánh Tỳ-ni tức là giới của Phật, do trong phép Chúng học chế vào nhà người tại gia không được giỡn cười, phải nên im lặng không nói, là thịt ở chân răng. Vô thường, v.v... là bốn niệm xứ. Tưởng chết tức chín tướng. Chữ do trở xuống là kế dạy người khác tự lợi. Cỏ gãy nghĩa là cỏ khô trong tay gãy. Chữ nghĩa trở xuống là lệ quyết, y theo trên quả chế khiến giữ gìn cẩn thận.

Trong phần sáu, luật Ngũ Phần ban đầu là lời khen Thí chủ. Chữ hựu trở xuống là dạy đến chùa mình, người cần báo khiến biết cho ăn. Luận Tát-bà-đa cho rằng khách bên ngoài, nhiều khiến tác pháp mời đến. Hoặc thí chủ, hoặc môn sư đứng ở chỗ cao xưng rằng: “Người sáu mươi lap vào” (không có thì giảm dần) hễ được một người liền khởi các tội. Còn bao nhiêu không nhóm nghĩa là sau có người đến, chỉ tùy tướng tức giới riêng chúng.

Trong phần năm, luật Tứ Phần hỏi: Các tịnh là do thấy trong mâm có rau quả sống” cho nên phải hỏi. Y theo trong tùy tướng phải hỏi nước

lộc chưa. Luật Tăng-kỳ nói đưa đồ ăn. Về pháp Thường thọ, Kinh Kim Quang Minh chép: “Có hai nhân duyên thọ mạng được lâu dài: Một là không sát sinh, hai là bố thí”.

Môn thứ sáu, khoa đầu Tứ Phần, ở sau sợ nghĩa là nhân pháp được. Lạm ăn tà duyên kia, người đời truyền ý ở trước, khiến cho chúng đương thời biết trước tình chỉ rồi mới nhận ăn, cho nên nói là không lỗi. Nhưng tuy cả hai không nương pháp càng tốt, nếu y cứ tùy cơ thì không thể nhất định.

Trong phần hai, đọc tụng phải đợi người mời. Nhà thế tục ngày nay hoặc có tang chay, chúng tăng cùng đến gượng làm việc phúng tụng, không có ý lợi người, chỉ mong mời trai tăng, trọng ăn uống, hoại chánh pháp, với lấy sự chê cười của thế tục, người biết nên răn dạy.

Trong phần ba, khoa đầu là thêm tức duyên cầm hương rước tăng, do có thể tín chung cho nên nói rằng “Phật sai”. Hiền ngu là duyên hành hương kia thứ bảy nói rằng: Phật bảo A-nan: về quá khứ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, ở cõi Diêm-phù-đề có một nước lớn tên là Ba-na-nại, lúc bấy giờ có một người ưa lo làm giàu, tâm kia ưa thích vàng, ra sức gom chứa, khi được một hũ thì đào đất chôn trong nhà. Trọn đời chứa nhóm như vậy được bảy hũ vàng và đều chôn hết, sau bị bệnh chết, làm một con rắn độc giữ các hũ vàng đó, như vậy lần lượt làm thân rắn cả một muôn năm, đến khi thọ thân rắn sau cùng thì tâm nhằm chán bồng sinh khởi, thấy một người tiện đường đi ngang qua, rắn kêu người đó nói rằng: “Nay ở chỗ tôi đang có một hũ vàng muốn nhờ ông cúng tăng làm phước. Lúc bày đồ ăn cúng thì đem một cái A-tiên-đề (Hán gọi là thảo lung, tức cái lồng tre) đến bắt tôi”. Người kia đến ngày mang con rắn đến chùa để trước chúng tăng, khi ăn rồi rắn đến chỗ tăng đứng lên và sai người kia thứ lớp cùng dưỡng, Tăng thọ thực xong nói pháp cho rắn nghe, rắn càng thêm hoan hỉ, bèn dẫn chư tăng đến chỗ để vàng, có hơn sáu hũ vàng đều cúng hết cho Tăng, liền bỏ thân rắn sinh lên cõi trời Đao-lợi.

Phật bảo A-nan: Người mang rắn đến chỗ Tăng lúc ấy chính là ta ngày nay, rắn độc xưa là Xá-lợi-phất ngày nay.

Phú-na-kỳ cũng là kinh thứ sáu kia, chép rằng: Lúc Phật ngự tại nước Xá Vệ, nước Phóng bát có vị Trưởng giả có người con tên là Phú-na-kỳ, sau xuất gia chứng quả A-la-hán, giáo hóa người anh là Tiệ-na làm nhà chiên đàn thỉnh Phật, đều cầm lư hương cùng lên lầu cao, xa hương về tinh xá Kỳ-hoàn, đốt hương đánh lễ niệm Phật và Thánh Tăng, khói hương bay theo hư không đến trên đỉnh Phật kết thành một

lọng báu, Phật biết liền nói với Tỳ-kheo Thần Túc đồng đến. (trước là duyên hành hương, sau là duyên rước tăng)

Kế, khoa đầu, phân biệt thí chủ đúng sai. Tăng mắc tội tăng tàn, Ni phạm tội nặng Ba-la-di. Chữ ngũ trở xuống là nói nghi thức Tỳ-kheo, luật, luận đều y cứ nên hương cho nên có lỗi này, ngày nay phần nhiều dùng khói hương xông tay, thì nam nữ ngồi đứng theo lý đều thông.

Trong phần ba, bại là âm Phạm, chưa thấy văn kinh ấy, trên dẫn các duyên, chỉ thẳng hành hương không nói lâm bại. Chữ cố trở xuống là chỉ các văn, chỉ rõ khai bại, ý là vẫn còn, nay cũng ít dùng.

Trong chú nguyện, khoa đầu Tư Phần khiến tùy muốn tức là cơ, ưng cơ nói pháp thật khó, trách nhiệm kia ở người có trí, tùy việc quán lường, Tăng-kỳ chọn người có khả năng, không cần phải là Thượng tọa. Cho đến là tùy có, không thể thứ lớp chọn xuống. Điều mắc tội là hợp chúng, đột-cát-la chế phải học.

Văn ban đầu trong chánh chỉ bày, trước bác bỏ sự sai lầm của người thế gian. Thụ là đức trẻ chưa đội mũ, nay chỉ gọi chung, thường người nhỏ là phàm thụ. Quý tộc là trưởng giả giàu sang. Đánh thực, đánh là đồ đựng thức ăn, quan Đại phu trở lên đều nêu đánh mà ăn, nay truyền lầm gọi đó là Hóa, gương nói vọng vui gọi là siểm, nay đọc sơ hiện việc soi rõ. Chữ cố trở xuống là dẫn so sánh, kinh pháp còn như vậy các việc khác làm sao nói cho hết.

Khoa kế, trong kệ của người chết, hai câu trên là than vô thường, bao nhiêu đều bày quả báo về sau. Cõi trời, địa ngục là quả báo thế gian, Nê-hoàn là quả báo xuất thế gian, do nay tu điều lành quyết được quả báo lành. Kế, hai câu trên của kệ sinh con là thay chỗ nương tựa. Bảy đời tức bảy Đức Phật. Bốn câu kế là nêu dụ, nghĩa là quy về Phật được hộ trì như cha thương con. Hai câu sau là giúp thân thuộc. Nhà nước, luật kia chép: “Nếu vào nhà mới bày biện cúng dường, nên nói rằng: Nhà cửa che mát bố thí, (nghĩa là làm nhà thực hành bố thí) chỗ muốn tùy ý được chúng hiền thiện cát tường ở trong đó mà thọ dụng” Ở đời, người có chút trí tuệ biết ở chỗ mát sạch mà trì giới, giữ phạm hạnh, tu phước, bày biện đồ ăn, Tăng chú nguyện cho nên dĩ trạch bụi trần thường sinh hoan hỷ, sinh tâm lành ngày đêm ở trong đó. Nếu vào trong xóm làng và đến chỗ hoang vắng, hoặc ngày hoặc đêm, thiên thần thường theo ủng hộ. Cổ khác, luật kia chép: Các phương đều an ổn, chư Thiên tốt lành, nghe rồi hoan hỷ, mọi chỗ muốn đều được, kể hai chân an ổn, loài bốn chân an ổn, khi đi được an ổn, lúc đến cũng an ổn, ngày an đêm cũng an (nghĩa là người hay khách, đến hay đi, ngày và đêm

đều bình an). Các vị trời thường giúp đỡ, bạn bè đều là hiền thiện, tất cả đều an ổn, mạnh khỏe, hiền thiện ưa, tay chân đều không bệnh, giữ thân động thể không có bệnh khổ, nếu có muốn gì liền được, sự mong cầu đáng như tâm nguyện.

Thủ phụ ấy, nên nói rằng “Người nữ tin giữ giới, người chồng cũng vậy, do tín tâm này có thể làm việc bố thí, hai người đều trì giới tu tập hạnh chánh kiến, cùng ưa vui làm phước, các vị trời thường tùy hỷ, quả báo của nghiệp này như đi đường không có tư lương.”

Về xuất gia, luật kia chép: “Ôm bát xin mọi nhà, gặp người sân hoặc gặp người vui vẻ, toan giữ gìn ý kia, xuất gia bố thí là khó.” Chữ Tăng trở xuống là bày chế. Trong phần ba, lời kệ Trường A-hàm tức khen ngợi bố thí, hai câu đầu khen kia tin ưa, hai câu kế là khen lòng nhân kia, hai câu sau bày cảm báo. Đáng kính đáng thờ là chỉ cho Tam bảo, kính là trong tâm, thờ là cúng dường. Lời nguyện trong luật Ngũ Phần, bài kệ đầu nguyện người và súc sinh đều an vui, một bài kệ sau là sự mong cầu được đầy đủ. Cày ruộng gieo giống dụ cho ngày nay bố thí, chữ nghĩa trở xuống là y theo răn dạy, y cứ Thánh là phép tắc, muốn ở tùy nghi. Bốn biện nghĩa là: Nghĩa vô ngại biện, pháp vô ngại biện, từ vô ngại biện và lạc thuyết vô ngại biện. Đối duyên, duyên là cơ.

Trong thứ tư, kinh thứ sáu nói rằng: Xưa, ở thành Xá-vệ có Trưởng giả thứ lớp thỉnh tăng, lúc ấy ngài Xá-lợi-phất và Ma-ha-la đến nhà kia, ngay lúc đó cỗ khách được của báu mang về nhà, lại vua nước ấy ban cho xóm làng, phong cho chức Trưởng giả, lại người vợ sinh được con trai, nên nói rằng: “Các điều vui lớn nhóm họp”. Lời nguyện có năm câu, hai câu đầu xưng cái vui kia nhóm, chữ báu là viết nhầm, kia viết đúng là chữ báo. Hai câu kế là khen hạnh bố thí, mười lực là đức của Phật, do nghĩ nhớ Phật nên sắm sửa cúng dường. Câu sau là chú nguyện.

Ma-ha-la khổ cầu, luật kia chép: Xá-lợi-phất chú nguyện rồi, Trưởng giả tâm vui mừng liền lấy hai bức lụa trắng cúng dường Ngài. Ma-ha-la buồn rầu, nhân đó theo cầu học, sau ở trong tăng thứ lớp được làm Thượng tọa, Trưởng giả kia xuống biển mất của báu, vợ ông ta lại gặp nạn quan, con lại bị chết, mà Ma-ha-la chú nguyện y như trước, trưởng giả nghe rồi tâm liền tức giận đánh đuổi đi là lần thứ nhất. Vào trong ruộng mè của vua, đập mè, bị người giữ ruộng lấy roi đánh đi là lần thứ hai. Đi đường tiến về trước gặp người cắt lúa mạch, pháp thế tục kia nhiều lúa mạch xoay bên phải thì bày thức ăn uống, xoay bên trái thì là không lành, bấy giờ, Ma-ha-la bèn xoay bên trái, chủ lúa giận

nắm tay đánh nói rằng: “Sao không xoay bên phải và chú nguyện rằng thêm nhiều vào” là lần thứ ba. Lại đi về trước gặp người chết, Ma-ha-la bèn nhiều mộ kia và chú nguyện nói là nhiều vào, tang chủ nổi giận bắt đánh, nói rằng: Ông thấy người chết phải thương xót nói rằng: Từ nay về sau chớ có như vậy, là lần thứ tư. Lại đi đến trước thấy người làm đám cưới liền chú nguyện rằng: Từ nay về sau chớ như vậy nữa. Người kia nổi giận lấy roi đánh, bèn nói: Sao không tránh đi, là lần thứ năm. Lại cuồng chạy, gặp người bắt chim, chạm vào lưới thợ lưới chim giận lại đánh, bèn nói: “Sao không từ từ bỏ tới mà đi” là lần thứ sáu. Bèn y lời kia nói, gặp người giặt áo, thấy kia bỏ đi cho là muốn trộm y áo, bèn lại đánh, đây là lần thứ bảy. Về chùa Bạch Phật, Phật do đó răn dạy chúng. Như văn nói rằng: “Kẻ hậu học gặp văn dè dặt chớ cười, phải hổ thẹn là mình không có khả năng giáo hóa người, cần gấp tiến học, nếu ông làm Thượng tọa thì sẽ thế nào? Thường thường gieo xấu cho người thì đời sau sẽ giống Ma-ha-la”.

Môn thứ bảy, khoa đầu trong thọ thực có hai: Ban đầu định trước sau, đã đều có đưa ra, tùy dòng không ngại. Kinh nói ý ấy, tức đặt thầy chỗ y cứ, kia nói: “Phật bảo ngài A-nan: từ nay về sau, cúng thí xong khi ăn dùng đây làm thường” (sấn tức chú nguyện nói pháp). Kế dẫn lời nguyện. Lợi gồm tài và sự. Vui chung thế gian và xuất thế gian, dẫn đây làm cách thức còn bao nhiêu tùy căn cơ.

Khoa kế, đầu tiên nêu lý do có năm:

1. Bất chước Chư Phật: Do Phật bất chước Phật mà dạy đệ tử kh-iến chọn pháp. Mi là cháo.
2. Ngại chúng giới: Hoặc sợ ngồi vòng tròn không ổn mà phạm tục thực, hoặc lia các nghi sai trái, v.v...
3. Tịnh y: Ở tây Thiên đi chân không ngồi thì dơ y, ăn xong rửa chân mới ngồi kiết già.
4. Di-tục: Quyết phải như thế tục kia khi ăn thường ngồi mâm, xứ này không như vậy.
5. Ăn để: Liền đối việc.

Chữ nhân trở xuống là lập pháp chế. Kiếp trước tức là sau gọi đó khác nhau. Bốn dọc nghĩa là chân chạm đất ngón hướng lên. Giao nghĩa là phải trái xen nhau. Kiềm là đứng một chân. Trong xuất sinh thực, văn đầu tiên tuy chung trước sau lý hợp ở trước, theo kinh Bảo Vân thì khuấy thực chia làm bốn phần: một phần cho người đồng phạm hạnh, một phần cho người xin, một phần cho quỷ thần, một phần cho mình ăn, cho nên biết trước đưa cho sau mới tự ăn.

Khoa kế, trong văn dẫn, đầu tiên là dẫn bốn duyên, kinh Niết-bàn quyển mười lăm chép: Phật du hóa ở nơi hoang vắng, nơi xóm làng, có một quỷ thần tên là khoáng dã, thuần ăn máu thịt giết nhiều chúng sinh. Lại ở xóm làng kia mỗi ngày ăn thịt một người. Phật thuyết pháp cho mà nó ngu si không nghe theo, Phật hóa thân thành một vị quỷ thần có sức mạnh, quỷ kia kinh sợ quy y, Phật hiện thân như cũ lại nói pháp cho nghe, khiến quỷ thọ giới bất sát.

Quỷ bạch Phật rằng: Con và quyến thuộc thỉ nhờ máu thịt mà sống, nay thọ giới phải làm sao để sống?

Phật nhân đó dạy đệ tử, như sau sẽ dẫn. Chữ Tứ phần trở xuống là kế nói nêu chung.

Truyền rằng, xưa chép: “Pháp Mãn đời Tấn đến nước phía Tây, tương truyền miếu quỷ tức thần khoáng dã, hoặc Quỷ Tử mẫu”. Nay phần nhiều vẽ ở đầu cửa, vốn được cúng cho ăn, người đời nay gọi là thần cửa, lầm thay rất lâu. Chữ Ái đạo trở xuống là thứ ba, chỉ bày nhiều ít, đây y cứ nêu riêng mà nói. Sau dẫn Luận Trí Độ, quỷ có khả năng biến thực cho nên không cần cúng nhiều, sợ phí của tín thí.

Khoa kế, đầu tiên nêu việc đời, chữ y trở xuống là trong khuyên dẫn bao hàm ý người chết không cần thọ hưởng. Nhập xứ là tên chỗ ở của ngạ quỷ. Trước nếu tự trở xuống, nên thêm chữ tự để giúp. Tạt A-hàm khuyên làm phước, nói rộng việc ấy, kia nói: “Có một Phạm Chí bạch Phật con có người bà con mới chết, muốn sắm sửa đồ ăn cúng không biết người kia có ăn được chăng?”

Phật nói: “Trong loài ngạ quỷ có một chỗ gọi là nhập xứ, ngạ quỷ ở đây được ăn, còn chỗ khác thì không được, vì đều có đồ ăn riêng”.

Không sinh nhập xứ nghĩa là sinh vào đường khác. Tự được công đức nghĩa là do sức tâm thí cho nên nhậm vận thâm hộ trì. Giới là năm giới, chỉ được thân người, lại y cứ cận báo nói phải bố thí. Kinh Thí Dụ nói nhân ngài Mục-liên thấy rồi bạch Phật, Phật đáp như trong sao. Rõ biết thí phước thâm giúp chốn u linh, chỉ có thể tu hành, không phải nhọc nhằn cúng tế. Trong phần ba, do quỷ có thần thông biết ít làm nhiều, ở đây nói thí xuất sinh không cần cúng nhiều.

Trong tạt pháp, khoa đầu, luật Tăng-kỳ trước tiên khiến chiếu cố người ở gần. Chữ nhục trở xuống là kế dự thảo nhận ăn. Người thứ ba tức mình trên hai tòa. Luật Tứ Phần khiến Thượng tọa xem đồ ăn đồng đều không cho chỗ nhiều chỗ ít. Văn dẫn kinh bày nửa quả, kinh rút ra trong tạt A-hàm, kia nói: “Vua A-dục dùng mười muôn ức tiền vàng cúng thí mà chưa đủ vì chỉ có bốn ức, các quan tâu với Thái tử, Thái

Tử liền ra lệnh cấm, cho đến trong tay vua chỉ còn nửa trái Am-ma-lặc. Vua A-dục buồn than rồi liền sai người hầu đem trái cây ấy đến chùa Kê tước nói ý mình rằng “Vua A-dục thăm hỏi các đại Thánh chúng, và đây là sự cúng dường sau chót, xin các vị thương xót mà nhận sự cúng dường này”. Bấy giờ, vị Thượng tọa liền sai người nát ra bỏ vào nồi canh, khiến tất cả đều được thọ dụng, làm việc nầy rồi vua liền qua đời.

Khoa kế, luật Tứ Phần nói duyên chế, luật Tăng-kỳ nói khai thông, Thập Tụng hội tên, đồng cúng là y cứ cho khắp, đồng được là y cứ thọ đủ, đẳng là đồng. Tùy ý tức mặt tình ăn, luật Ngũ Phần kết phạm, văn nói Ni phạm, chúng sau tội nhỏ, Tăng nên y cứ đồng, luật Thập Tụng nói duyên riêng đợi được khắp câu dứt.

Trong phần ba, luật Ngũ Phần dạy nghi thọ thức ăn, luật Tăng-kỳ dạy pháp Tiến thực. Hồi thực nghĩa là hồi chuyển trong miệng, thêm một lần khuyên thế tục hành thực. Vua quan làm việc là nghi thường ở Ấn-độ, ở ở Trung Hoa Lương Võ Đế đích thân làm. Ích hành tôn trọng pháp xưa nay không có, còn bao nhiêu thứ dân chưa đủ tự trọng.

Trong phần bốn, luật Tứ Phần nói người v.v... Hai bộ là hai chúng, tức năm chúng đều thâm nhuần trước Tăng sau Ni, y cứ buổi sớm. Kế là dẫn văn kinh khuyên thực, v.v... nói rằng: “Kinh Phạm-ma-nan Quốc Vương”, mất tên người dịch. Tăng-bạt nghĩa là khiến ăn đồng một vị, khác với đẳng cúng ở trước.

Trong phần năm, luật Tăng-kỳ ban đầu dạy giữ tay, nước kia dùng tay bốc ăn, xứ nầy ăn bánh trái phần nhiều cũng dùng tay. Chử ẩm sắp xuống là kế dạy giữ gìn đồ đựng, đồ uống tức đồ ăn canh có nước. Khẩu xứ tả, ở đây y cứ nhiều người cùng dùng, muốn che hạ tọa cho nên rửa khiến đồ ăn sạch sẽ. Chử thượng trở xuống là thứ ba, răn nhắc đại chúng, Tứ Phần ban đầu nói không được ăn, nghĩa là làm đồ ăn có rơi rớt không được tự đói, mất giới hạn lớn. Chử nhược hữu trở xuống là kế nói thu dọn vật rồi. Tỳ-nại-da dạy khi ăn lấy bát.

Trong phần sáu, luật Thập Tụng nói không được vung tay mà ăn, Tăng-kỳ nói không được nhai cơm có tiếng nhóc nhách, bạc tiêu là nhai có tiếng. Tỳ-nại-da nói túc tử: hoặc khi ăn khịt mũi, hoặc nhai cơm như tiếng khịt mũi. Ngũ Phần nói đầu tiên không được tay bốc cơm rơi rớt mà ăn. Chử ích trở xuống là kế khai ngậm cơm nói chuyện, kế là dẫn luật Tăng-kỳ bày riêng khai chế. Tứ Phần khai thức ăn rơi rớt, luật Thiện Kiến khai nước trong bát đổ vào nhà người tại gia, vì không có cơm.

Thứ tám, là luật Tăng-kỳ nói đầu tiên chế đợi nhau, chỉ y cứ

Thượng tọa. Loại sói có thú tánh bạo ác để để dụ cho sự gấp gáp. Chữ Bối âm là phái, hoặc viết là Bối. Chữ hựu trở xuống là kể nói dư thực, sợ cho rằng Tăng ăn dư không nên cho người thế tục, theo đây nói khai trong chùa nên đóng. Khoa kể, trong kinh, hành thủy nghĩa là đồ riêng đựng nước, để khi ăn rửa tay, ăn xong súc miệng, không giống như ngày nay rửa tay mà ăn. vẫn dẫn Tạng A-hàm chứng dùng súc miệng.

Trong phần chín, khoa đầu là đạt-sấn, đại sấn là tiếng Phạn hơi khác, cũng nói là đàn sấn, Hán dịch là Tài thí, nghĩa là pháp báo thì, gọi là đạt sấn, văn y cứ thí y, y theo nên không cuộc hạn (người đời cho là dùng tiền thí ăn gọi là sấn, không biết tiếng Hoa tiếng Phạn đều nêu, gọi thuyết pháp là thí tài, đều sai).

Hỏi: Vậy gọi thí vật hay là gọi nói pháp?

Đáp: Y cứ vào tên gọi vật. Nay cho rằng khi làm bố thí quyết nói pháp, vì từ ngữ nói pháp cho là đạt-sấn, theo lý nói đủ là đạt-sấn nói pháp, sự nghĩa mới hoàn toàn.

Hỏi: Ở đây khác gì với chú nguyện?

Đáp: Theo sự thì hình như đồng, nghiên cứu nghĩa thì có khác, chú nguyện thì riêng bày chớ làm, đạt sấn thì chung nói pháp, nay hoặc sấm sửa trai Tăng sự cần dùng chung.

Khoa kể, ban đầu dẫn khuyên khởi, một khiến sinh nghi, hai là làm cho sinh khởi chê bai. Đàn-việt cũng nói là Đàn-na, đều là lầm lược. Tam Tạng Nghĩa Tịnh nói rằng: “Nói đủ là Đàn-na-bát-đề” Hán dịch là Thí chủ. Chữ Thập trở xuống là kể dẫn Phật chế. Văn chú chỉ trên, tức nếu vì làm lợi cho nên có các bài kệ bố thí, v.v... Khi nói còn bao nhiêu nghe ấy là có duyên cần đến, không có duyên ở.

Trong thứ ba, bốn lợi ích thì hai lợi trước là lợi người. Trong thứ tư, kệ kinh Tu-đa-la là Hoa Phạm đều nêu, mỗi món nghĩa là khiến tùy cơ mà nêu. Văn khai nhiếp ấy, là không cần tụng hết.

Trong phần năm, luật Ngũ Phần phân biệt đức. Ban đầu dẫn duyên, phá giới không hạnh, tà kiến không có trí tuệ, căn cơ không đầy đủ là không có oai nghi, người ác được thế lực nghĩa là nhờ đây mà sinh khởi chê bai.

Chữ Phật trở xuống là lập chế. Già luận lựa chọn khả năng, văn rõ tụng bối, lệ y theo nói pháp quyết chọn người có khả năng.

Trong phần sáu, đầu tiên nêu kệ luật. Tăng nhất trở xuống là dẫn giải, câu đầu là hai nghiệp thân miệng, câu kế là nghiệp tâm, ba là chánh tuệ, bốn là chánh tín.

Trong phần bảy, ban đầu bác bỏ thế gian. Chữ nhược trở xuống

là kế khuyến nói. Theo luật Ngũ Phần, tức trong chú nguyện dẫn rằng “Bốn chân ông an ổn v.v...”, hoa xỉ là lời thêu dệt, hoang phí thước giấy, trái lại với chữ xa.

Trong thứ mười, tám người tức lưu hai chúng còn bao nhiêu khai đi trước, đồng như trên có duyên, Bản đạo cũng nói là phạp đạo, đều là lời khiêm nhường, nay Tăng thọ trai chỉ biết ăn no nhận cúng thí mà thôi, chữ luận nghi pháp độ không có một chút đáng xem thì lấy gì khiến thí chủ kia phát tâm lành, để tiêu của tín thí, thương thay.

Khoa kế dẫn kinh, Phật đang nói pháp khiến người sau bắt chước, bộ là giờ thân.
